

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 609; 611; 612; 613; 649 và Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2024, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 995/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

XÉT THẤY:

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Hoàng Y, sinh năm 1986

Địa chỉ: số nhà 129 Đường X, Khu phố Y, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Duy T, sinh năm 1978

Địa chỉ: số nhà G04 -12 đường M, phường Đ, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*:

1. Bà Trần Thị G, sinh năm 1958

2. Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1959

Địa chỉ: số nhà 357 đường M, Khu phố Y, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn N, sinh năm 1961
Địa chỉ: số nhà 377 đường M, Khu phố Y, phường T, thành phố T,
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1941

Địa chỉ: A4/316 Khu phố x, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1953

Địa chỉ: số nhà 11 Đường số a, Khu phố b, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1954

Địa chỉ: số nhà 185 đường M, Khu phố m, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Trần Thị N, sinh năm 1948 – chết ngày 19/5/2023

Địa chỉ: số nhà 63A Đường l, Khu phố k, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

4.1 Bà Huỳnh Ngọc T1, sinh năm 1971

Địa chỉ: số nhà 63 Đường l, Khu phố k, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Ông Ngô Văn T2, sinh năm 1979

4.3. Bà Ngô Thị Ngọc L, sinh năm 1983

Địa chỉ: số nhà 63A Đường l, Khu phố k, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.4. Bà Ngô Thị Tuyết M, sinh năm 1987 - mất năng lực hành vi dân sự.

Địa chỉ: số nhà 63A Đường l, Khu phố k, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người giám hộ: Bà Ngô Thị Ngọc L.

5. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959

6. Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1983

Địa chỉ: số nhà 129 Đường X, Khu phố Y, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Duy T, sinh năm 1978

Địa chỉ: số nhà G04 -12 đường M, phường Đ, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Phan Thị M, sinh năm 1952

Địa chỉ: số nhà 278 đường M, Khu phố Y, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Trần Duy H, sinh năm 1975

Địa chỉ: số nhà 278B đường M, Khu phố Y, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Trần Thị Duy H1, sinh năm 1976

Địa chỉ: số nhà 278A đường M, Khu phố Y, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Bà Trần Duy H2, sinh năm 1979

Địa chỉ: số nhà 54/18 đường Q, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Bà Trần Duy H3, sinh năm 1985

Địa chỉ: số nhà 54/14H đường Q, Khu phố y, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Ông Trần Như Y, sinh năm 1989

Địa chỉ: số nhà 278 đường M, Khu phố Y, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: số 168 đường Trương Văn Bang, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh T2, sinh năm 1967

Chức vụ: nhân viên phòng Nghiệp vụ 4 thuộc Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Thủ Đức.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận số tiền 4.262.869.616 (bốn tỉ hai trăm sáu mươi hai triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn sáu trăm mười sáu) đồng do Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức) bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Trần Thị G, đại diện đứng tên hồ sơ hộ bà Nguyễn Thị Tám theo Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 9 là di sản thừa kế của ông Trần Văn Ốc và bà Nguyễn Thị Tám.

Chia di sản của ông Trần Văn Ốc và bà Nguyễn Thị Tám thành 07 (bảy) phần cho các thừa kế, cụ thể như sau:

Bà Trần Thị G, bà Lê Thị N1, bà Trần Thị L và ông Trần Văn Đ1 mỗi người được nhận số tiền 608.981.373 (sáu trăm lẻ tám triệu chín trăm tám mươi một ngàn ba trăm bảy mươi ba) đồng;

Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị Nhiều gồm: Bà Huỳnh Ngọc T1, ông Ngô Văn T2, bà Ngô Thị Ngọc L và bà Ngô Thị Tuyết Mai được nhận số tiền 608.981.373 (sáu trăm lẻ tám triệu chín trăm tám mươi một ngàn ba trăm bảy mươi ba) đồng, (mỗi người được nhận 152.245.343 (một trăm năm mươi hai triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi ba đồng)).

Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn Hương gồm: Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Hoàng Y và ông Nguyễn Minh H được nhận số tiền 608.981.373 (sáu trăm lẻ tám triệu chín trăm tám mươi một ngàn ba trăm bảy mươi ba) đồng, (mỗi người được nhận 202.993.791 (hai trăm lẻ hai triệu chín trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm chín mươi một đồng));

Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn Bu gồm: Bà Phan Thị M, bà Trần Duy H, bà Trần Thị Duy H1, bà Trần Duy H2, bà Trần Duy H3 và ông Trần Như Ý được nhận số tiền 608.981.373 (sáu trăm lẻ tám triệu chín trăm tám mươi một ngàn ba trăm bảy mươi ba) đồng, (mỗi người được nhận 101.496.896 (một trăm lẻ một triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi sáu đồng));

Các đương sự được quyền liên hệ Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức để nhận số tiền là di sản thừa kế nêu trên và tiền lãi suất cho đến thời điểm được nhận tương ứng với số tiền được nhận (nếu có).

III. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Hoàng Y phải chịu 5.074.845 (năm triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm bốn mươi lăm) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0002420 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và 7.574.845 (bảy triệu năm trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm bốn mươi lăm) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0007626 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Nguyễn Hoàng Y được nhận lại 2.800.000 (hai triệu tám trăm ngàn) đồng.

Bà Trần Thị G, bà Lê Thị N1, bà Trần Thị L, ông Trần Văn Đ1, mỗi người phải chịu 14.179.627 (mười bốn triệu một trăm bảy mươi chín ngàn sáu trăm hai mươi bảy) đồng, nhưng được xét miễn nộp do thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 5.074.845 (năm triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm bốn mươi lăm) đồng, nhưng được xét miễn nộp do thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

Bà Phan Thị M phải chịu 2.537.422 (hai triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn bốn trăm hai mươi hai) đồng, nhưng được xét miễn nộp do thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

Bà Trần Duy H, bà Trần Thị Duy H1, bà Trần Duy H2, bà Trần Duy H3, ông Trần Như Ý mỗi người phải chịu 2.537.422 (hai triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn bốn trăm hai mươi hai) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Minh H phải chịu 5.074.845 (năm triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm bốn mươi lăm) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Huỳnh Ngọc T1, ông Ngô Văn T2, bà Ngô Thị Ngọc L, mỗi người phải chịu 3.806.134 (ba triệu tám trăm lẻ sáu ngàn một trăm ba mươi bốn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Ngô Thị Tuyết M phải chịu 3.806.134 (ba triệu tám trăm lẻ sáu ngàn một trăm ba mươi bốn) đồng, nhưng được xét miễn nộp do thuộc trường hợp người khuyết tật về thần kinh, người giám hộ có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- CCTHADS thành phố Thủ Đức;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lũy